

Biểu mẫu 09

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp : PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 QUẬN 8

Tên cơ sở giáo dục : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG**

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình tiểu học	Hoàn thành chương trình lớp 6	Hoàn thành chương trình lớp 7	Hoàn thành chương trình lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Dạy đúng, đủ theo chương trình Giáo dục phổ thông trung học cơ sở theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD-ĐT Dạy đúng, đủ theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 Kế hoạch giáo dục của nhà trường			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và gia đình: Hợp tác, chia sẻ. - Trường tổ chức họp cha mẹ học sinh định kì ít nhất 3 lần/năm học. Đảm bảo thông tin 2 chiều giữa gia đình và nhà trường. - Học sinh chăm chỉ, chuyên cần, có thái độ tích cực trong tu dưỡng và rèn luyện, trung thực trong quá trình học tập và kiểm tra. 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. - Tổ chức các chuyên đề ở các bộ môn văn hóa, ATGT, hướng nghiệp, sức khỏe sinh sản ở lứa tuổi vị thành niên. - Thực hiện tư vấn tâm lí cho học sinh thường xuyên. - Tổ chức các cuộc thi kể chuyện theo sách. - Tổ chức kể chuyện về tấm gương của Bác mỗi tuần. 			

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức học tập, tham quan ngoại khóa... - Hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo; - Chăm lo cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn ... 			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Hạng Kiểm Tốt: 99.40% Khá: 0.6% TB: 0% Yếu: 0% Học lực: Tốt: 57% Khá: 35% Đạt: 8% CD: 0% Trên 90% sức khoẻ loại I	Hạng Kiểm Tốt: 99.40% Khá: 0.6% TB: 0% Yếu: 0% Học lực: Tốt: 57% Khá: 35% Đạt: 8% CD: 0% Trên 90% sức khoẻ loại I	Hạng Kiểm Tốt: 99.40% Khá: 0.6% TB: 0% Yếu: 0% Học lực: Giỏi: 57% Khá: 35% TB: 8% Yếu: 0% Kém: 0% Trên 90% sức khoẻ loại I	Hạng Kiểm Tốt: 99.70 % Khá: 0.30% TB: 0% Yếu: 0% Học lực: Giỏi: 57% Khá: 35% TB: 8% Yếu: 0% Kém: 0% Trên 90% sức khoẻ loại I
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng học lên lớp 7	Đủ khả năng học lên lớp 8	Đủ khả năng học lên lớp 9	TN THCS 100%, đủ khả năng học lên lớp 10, học trung cấp nghề.

Quận 8, ngày 5 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Nguyễn Minh Tiến

Biểu mẫu 10

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp : PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 QUẬN 8

Tên cơ sở giáo dục : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
 Năm học: 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1392	290	346	394	362
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1367 (Tỷ lệ: 98.2%)	282 (Tỷ lệ: 97.24 %)	324 (Tỷ lệ: 98.84 %)	382 (Tỷ lệ: 96.95 %)	361 (Tỷ lệ: 99.72 %)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	25 (Tỷ lệ: 1.8 %)	8 (Tỷ lệ: 2.76 %)	4 (Tỷ lệ: 1.16%)	12 (Tỷ lệ: 3.05 %)	1 (Tỷ lệ 0.28 %)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 (Tỷ lệ: 0.0%)	0 (Tỷ lệ: 0.0%)	0 (Tỷ lệ: 0%)	0 (Tỷ lệ: 0%)	0 (Tỷ lệ: 0 %)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (Tỷ lệ: 0.0%)	0 (Tỷ lệ: 0.0%)	0 (Tỷ lệ: 0%)	0 (Tỷ lệ: 0%)	0 (Tỷ lệ: 0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	1392	290	346	394	362
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	641 (Tỷ lệ : 46.05%)	117 (Tỷ lệ: 40.34%)	159 (Tỷ lệ: 45.95%)	177 (Tỷ lệ: 44.92%)	188 (Tỷ lệ: 51.93%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	497 (Tỷ lệ : 35.7%)	119 (Tỷ lệ: 41.03%)	115 (Tỷ lệ: 33.24%)	123 (Tỷ lệ: 31.22%)	140 (Tỷ lệ: 38.67%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	245 (Tỷ lệ : 17.6%)	51 (Tỷ lệ: 17.59%)	71 (Tỷ lệ: 20.52%)	89 (Tỷ lệ: 22.59%)	34 (Tỷ lệ: 9.39%)
4	Yếu	9	3	1	5	0

	(tỷ lệ so với tổng số)	(Tỷ lệ : 0.65%)	(Tỷ lệ: 1.03%)	(Tỷ lệ: 0.29%)	(Tỷ lệ: 1.27%)	(Tỷ lệ: 0 %)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (Tỷ lệ : 0.0%)	0 (Tỷ lệ: 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0%)	0 (Tỷ lệ : 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1392	290	346	394	362
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1386 (Tỷ lệ : 99.56%)	288 (Tỷ lệ: 99.31%)	345 (Tỷ lệ: 99.71%)	391 (Tỷ lệ: 99.23%)	362 (Tỷ lệ: 100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	641 (Tỷ lệ : 46.05%)	117 (Tỷ lệ: 40.34%)	159 (Tỷ lệ: 45.95%)	177 (Tỷ lệ: 44.92%)	188 (Tỷ lệ: 51.93%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	497 (Tỷ lệ : 35.7%)	119 (Tỷ lệ: 41.03%)	115 (Tỷ lệ: 33.24%)	123 (Tỷ lệ: 31.22%)	140 (Tỷ lệ: 38.67%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	9 (Tỷ lệ : 0.64%)	3 (Tỷ lệ: 1.03%)	1 (Tỷ lệ: 0.29%)	5 (Tỷ lệ: 1.26%)	0 (Tỷ lệ: 0 %)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6 (Tỷ lệ : 0.43%)	2 (Tỷ lệ: 0.68%)	1 (Tỷ lệ: 0.28%)	3 (Tỷ lệ : 0.76%)	0 (Tỷ lệ: 0 %)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	02 hs / 31 hs	00 hs / 08 hs	02 hs / 07 hs	00 hs / 05 hs	00 hs / 11 hs
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (Tỷ lệ : 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (Tỷ lệ : 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)	0 (Tỷ lệ: 0 %)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận	37	11	10	16	00
2	Cấp tỉnh/thành phố	08				08
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	362	0	0	0	362
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	362	0	0	0	362
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	188 (Tỷ lệ: 51.93%)	/	/	/	188 (Tỷ lệ: 51.93%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	140 (Tỷ lệ: 38.67%)	/	/	/	140 (Tỷ lệ: 38.67%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	34 (Tỷ lệ: 9.39%)	/	/	/	34 (Tỷ lệ: 9.39%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	733/659	156/134	194/152	196/198	187/175
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	112	29	29	27	27

Quận 8, ngày 5 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tiến

Biểu mẫu 11

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp : PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN 8

Tên cơ sở giáo dục : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG**
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở năm học 2021-
2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	40	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	40	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	-	-
7	Bình quân lớp/phòng học	32/40	-
8	Bình quân học sinh/lớp	1392/32	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4360	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2584	1.86
VI	Tổng diện tích các phòng	2304	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.02
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	1.02
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	-	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	-	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	9	Số bộ/lớp

1.1	Khối lớp 6	3	3/7
1.2	Khối lớp 7	2	2/8
1.3	Khối lớp 8	2	2/9
1.4	Khối lớp 9	2	2/8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	2/32
2	Cát xét	9	9/32
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	2/32
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	1/32
5	Thiết bị khác...		
6		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	-
XI	Nhà ăn	100

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	200	-	-

XIII	Khu nội trú	-	-	-
-------------	--------------------	---	---	---

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	-	7/7	-	-
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 5 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Minh Tiến

Biểu mẫu 12

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) (Tên cơ sở giáo dục)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp : PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 8

Tên cơ sở giáo dục : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở

Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	59	0	3	50	5	0	1	30	25	0	0	0	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	52	0	1	47	4	0	0	30	22	0	0	0	0	0
1	Toán	8	0	1	7	0	0	0	3	5	0	0	0	0	0
2	Lý	3	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0
3	Hóa	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
4	Sinh	3	0	0	3	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0
5	Tin học	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
6	Công nghệ	3	0	0	3	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0
7	Thể dục	4	0	0	2	2	0	0	3	1	0	0	0	0	0
8	Mỹ Thuật	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
9	Âm Nhạc	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
10	Văn	9	0	0	9	0	0	0	7	2	0	0	0	0	0
11	Sử	4	0	0	3	1	0	0	3	1	0	0	0	0	0
12	Địa	3	0	0	2	1	0	0	2	1	0	0	0	0	0
13	Anh	7	0	0	7	0	0	0	2	5	0	0	0	0	0
14	GDCD	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0

15	Chuyên trách Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Chuyên trách Thiết bị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Chuyên trách Thí nghiệm Lý –Hóa Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	2	1	0	0	0	0	3	0	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0
III	Nhân viên	4	0	0	3	1	0	1	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Nhân viên bảo vệ	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Quận 8, ngày 5 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tiến